

Củ Chi, ngày 26 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 520/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Bích N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 954 Quốc lộ 22, tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

+ Bà Dương Thị Bích N, sinh năm 1980;

+ Ông Bùi Công K, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Hẻm 04 đường Nguyễn Thị L, tổ 7, ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trà Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Hẻm 04 đường Nguyễn Thị L, tổ 7, ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Bích N (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh T), bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N đồng ý hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 18838/HĐ-CND ngày 29/4/2009, công chứng tại Văn phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 018838, quyển số 1 TP/CC-SCC/HĐGD. Đối tượng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu

trên là phần đất có diện tích 393m², thuộc thửa 247-3, 306-2, 306-6, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 926262, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 350 QSDĐ/CQ ngày 19/7/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Bích N (sang tên cho ông Trần Bích N vào ngày 08/5/2012, vào sổ số CH01940).

Bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Bích N số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Thời hạn trả chậm nhất vào ngày 01/10/2018.

Kể từ ngày ông Trần Bích N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N chậm trả tiền thì bà N, ông K và bà N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N thực hiện xong nghĩa vụ giao số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) cho ông Trần Bích N, ông N có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sang tên lại quyền sử dụng phần đất có diện tích 393m², thuộc thửa 247-3, 306-2, 306-6, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 926262, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 350 QSDĐ/CQ ngày 19/7/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Bích N (sang tên cho ông Trần Bích N vào ngày 08/5/2012 vào sổ số CH01940) cho bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) các bên thỏa thuận ông Trần Bích N chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Ông Trần Bích N đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu 0007985 ngày 08/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi nên được cản trừ, ông N còn phải nộp thêm số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bà Dương Thị Bích N, ông Bùi Công K và bà Trà Thị N phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN